TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 31-01-2020

V/v Tranh chấp không công nhận vợ chồng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lan Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Phi Hùng

2. Ông Lê Bình Triệu

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Phượng Kiều là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà: Ông Võ Hồng Quân - Kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 01 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 462/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2019 về việc tranh chấp không công nhận vợ chồng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Huỳnh Văn P, sinh năm 1965 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã TP, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn: Bà Lương Thị Mỹ T, sinh năm 1982 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã TP, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****Trình bày của ông Huỳnh Văn P:***

Hôn nhân: Ông P và bà T tự nguyện chung sống với nhau có tổ chức lễ cưới vào năm 2004 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Ông bà chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm với nhau

trong cuộc sống, hôn nhân không thể kéo dài nên ông P yêu cầu chấm dứt quan hệ hôn nhân với bà T.

Con chung: Ông P và bà T có 02 ngươi con chung là Huỳnh Anh Đ, sinh ngày 18/02/2005 (giới tính nam) và Huỳnh Hồng M, sinh ngày 27/10/2011 (giới tính nữ), các con chung hiện do vợ chồng nuôi dạy. Tại tòa, ông P yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy con chung, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Ông P và bà T tự thỏa thuận, nợ chung không có nên không đặt ra yêu cầu xem xét.

**** Trình bày của bà Lương Thị Mỹ T:***

Bà T thống nhất với lời trình bày của ông P về các mối quan hệ như hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung. Tại phiên tòa hôm nay, bà T có ý kiến sau:

Về hôn nhân: Bà T thống nhất chấm dứt quan hệ hôn nhân với ông P.

Về con chung: Bà T thống nhất giao các con chung là Huỳnh Anh Đ, sinh ngày 18/02/2005 (giới tính nam) và Huỳnh Hồng M, sinh ngày 27/10/2011 (giới tính nữ) cho ông P tiếp tục nuôi dạy, bà không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Bà T và ông P tự thỏa thuận không yêu cầu xem xét.

Nợ chung: Không có nên không đặt ra yêu cầu xem xét.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Thực hiện đúng các quy định của tố tụng dân sự; về nội dung vụ án: Xét thấy ông P là có căn cứ nên có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông Huỳnh Văn P khởi kiện yêu cầu chấm dứt quan hệ hôn nhân với bị đơn là bà Lương Thị Mỹ T. Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc không công nhận vợ chồng; Bà T có nơi cư trú tại ấp A, xã TP, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của ông P thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[3] Về hôn nhân: Ông Huỳnh Văn P và bà Lương Thị Mỹ T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2004 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa ông P và bà T chưa tuân thủ về điều kiện đăng ký kết

hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống ông P và bà T có điều kiện đăng ký kết hôn nhưng ông bà không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận ông Huỳnh Văn P và bà Lương Thị Mỹ T là vợ chồng.

[4] Về con chung: Có 02 người con chung tên Huỳnh Anh Đ, sinh ngày 18/02/2005 (giới tính nam) và Huỳnh Hồng M, sinh ngày 27/10/2011 (giới tính nữ). Xét thấy, cháu Đ và cháu M đều đã trên 07 tuổi, từ trước đến nay các cháu sống chung với ông P, các cháu có nguyện vọng được sống chung với cha là ông P, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay bà T thống nhất để cho ông P tiếp tục nuôi dạy các con chung nên cần chấp nhận cho ông P tiếp tục nuôi dạy các con chung là phù hợp. Ông P không đặt ra yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Bà T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung: Ông P và bà T tự thỏa thuận với nhau, không đặt ra yêu cầu xem xét nên không xem xét là phù hợp.

[6] Về nợ chung: Ông P và bà T xác định trong quá trình chung sống ông bà không có nợ người ngoài và người ngoài cũng không nợ vợ chồng nên không yêu cầu giải quyết. Tại giấy xác nhận ngày 01/10/2019 của Ủy ban nhân dân xã TP và biên bản ghi lời khai người làm chứng ngày 13/01/2019 xác nhận trong thời gian chung sống không có ai yêu cầu về nợ tại địa phương đối với ông P và bà T. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông P phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 14, 53, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQ14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Huỳnh Văn P.

1.1. Về hôn nhân: Không công nhận ông Huỳnh Văn P và bà Lương Thị Mỹ T là vợ chồng.

1.2. Về con chung: Giao các cháu Huỳnh Anh Đ, sinh ngày 18/02/2005 (giới tính nam) và Huỳnh Hồng M, sinh ngày 27/10/2011 (giới tính nữ) cho ông P tiếp tục nuôi dạy, ông P không yêu cầu bà T không cấp dưỡng nuôi con. Bà T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

1.3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không đặt ra yêu cầu xem xét.

Nợ chung: Không có.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Huỳnh Văn P phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng).* Vào ngày 16 tháng 12 năm 2019 ông P có dự nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số 0010812 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau nay được đối trừ và chuyển thu án phí.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo luật định.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
-VKSND huyện Thới Bình;
-Chi cục THADS huyện Thới Bình;
-TAND tỉnh Cà Mau;
-Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị Lan Anh